**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Mẫu sản phẩm 5.1

(Kèm theo của Phụ lục 5)

**KHOA/VIỆN……………….**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**KỸ NĂNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* Phan Huy Chính**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email: 0915233880

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Lôgíc học, Lịch sử triết học

***Giảng viên 2:*** Nguyễn Văn Sang

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Lôgíc học, Đạo đức học

***Giảng viên 3:*** Lê Thị Nam An

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Lôgíc học, Đạo đức học

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Kĩ năng phổ biến, giáo dục pháp luật  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: POL30047 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục chính trị | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  ✓ | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Không | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Hệ thống Pháp luật Việt Nam | | Mã số HP: LAW30048 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Triết học  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Kĩ năng phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc nhóm các học phần tự chọn của chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục Chính trị. Đây là học phần giúp sinh viên hình thành, rèn luyện các kỹ năng giải thích, tuyên truyền kiến thức pháp luật cho nhiều đối tượng trong xã hội, cũng như kỹ năng giáo dục những nội dung liên quan đến pháp luật trong môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông. Học phần hướng đến trau dồi các kĩ năng nghề nghiệp và giao tiếp, hợp tác để có thể phổ biến, giáo dục về pháp luật cho học sinh phổ thông.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần Kĩ năng phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị nhiều kiến thức liên quan đến vấn đề phổ biến, tuyên truyền, giải thích pháp luật cho các đối tượng xã hội khác nhau, cũng như hiểu biết kỹ năng giáo dục cần thiết để có thể tiến hành giảng dạy tri thức pháp luật một cách hiệu quả cho học sinh ở các trường phổ thông. Học phần cũng nhằm rèn luyện, trau dồi những kỹ năng nghề nghiệp như nắm bắt đặc điểm và tâm lý của đối tượng, kỹ năng thu hút sự chú ý của người nghe, kỹ năng phân tích, diễn giải pháp luật; các kỹ năng giao tiếp, hợp tác; kỹ năng sử dụng công nghệ cho sinh viên trong phổ biến, giáo dục pháp luật.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| **PLO1.3** | | **PLO2.1** | | **PLO3.2** |
| **1.3.1.1** | **1.3.1.2** | **2.1.3** | **2.1.4** | **3.2.1** |
| CLO1.1 | ✓ | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  | ✓ |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về khoa học giáo dục | Lý thuyết | Đánh giá thường xuyên |
| CLO2.1 | S3 | Áp dụng kỹ năng sử dụng công nghệ trong phổ biến, giáo dục pháp luật (S3) | Lý thuyết, Thảo luận, Bài tập | *Bài tập, thảo luận, làm việc nhóm* |
| CLO2.2 | S4 | Áp dụng kỹ năng phân tích, diễn giải để rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh và xây dựng môi trường giáo dục | Lý thuyết, Thảo luận, Bài tập | Quan sát/ vấn đáp,Bảng kiểm/  Câu hỏi tự luận/ Phiếu đánh giá |
| CLO3.1 | S4 | Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức | Lý thuyết, Thảo luận, Bài tập | Quan sát/ vấn đáp,Bảng kiểm/  Rubric |

*Ghi chú:*

*- Khi đối sánh với CĐR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.*

*- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)*

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá:**Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |
| A1.1 | Ví dụ:  - Bài tập 1; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Ví dụ:  - Đáp án | 10**%** |  |
| A1.2 | Ví dụ:  - Seminar; SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Ví dụ:  - Rubric 1 | 20**%** |  |
| A1.3 | - Bài tập trắc nghiệm; SV làm bài trên LMS, hệ thống tự chấm và lưu hồ sơ. Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Ví dụ:  - Đáp án | 20**%** |  |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A2.1 (Lý thuyết) | Ví dụ:  - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Ví dụ:  - Đáp án |  |  |
| A2.2 (Thực hành) | Ví dụ:  - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN | Ví dụ:  - Rubric 3 |  |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

Ví dụ:

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.2***

***Rubric 2: Đánh giá bài A2.2***

***Rubric 3: Đánh giá bài A3.2***

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[2] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

*Không quá 02 tài liệu bắt buộc. Tài liệu bắt buộc phải có tính cập nhật (ít nhất có 01 cuốn xuất bản sau 2012) và có sẵn trên thị trường Việt Nam.*

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[4] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản), tên phần mềm.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) |  | - Địa điểm:  - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống  ….. | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint  - Đọc tài liệu [x], trang yy-zz  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS | - CLOx.x  - CLOy.y | - Ax.x |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

***Thực hành:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
|  |  |  |  | - CLOx.x | - Ax.x |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  | Nguyễn Văn B | Nguyễn Văn C |

**Phụ lục 1: Ký hiệu về trình độ năng lực (TĐNL) và đối sánh với các thang phân loại**

(Dùng cho xây dựng ma trận CĐR CTĐT và xây dựng đề cương học phần)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KÝ HIỆU TĐNL** | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| ***Mức độ thành thạo dựa vào hoạt động*** | Crawly, 2001 | Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua | Có thể tham gia vào và đóng góp | Có thể hiểu và giải thích | Có kỹ năng trong thực hành hoặc thực hiện | Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới |
| MIT | 0.1 🡪 1.0 | 1.1 🡪 2.4 | 2.5 🡪 3.4 | 3.5 🡪 4.4 | 4.5 🡪 5.0 |
| ***Lĩnh vực về nhận thức*** | Bloom, 1956 | **-----** | - Biết | - Hiểu | - Áp dụng,  - Phân tích | - Tổng hợp,  - Đánh giá |
| Anderson et al., 2001 | **-----** | - Nhớ | - Hiểu | - Áp dụng,  - Phân tích | - Đánh giá,  - Sáng tạo |
| ***Lĩnh vực về tâm vận động*** | Simpson, 1972 | - Nhận thức  - Thiết lập | - Làm theo hướng dẫn | - Thuần thục | - Thành thạo kỹ năng phức tạp  - Thích ứng | - Sáng chế |
| Dave, 1975 | - Bắt chước có quan sát | - Làm lại theo cấu trúc nội tâm | - Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp | - Hoàn thiện thứ tự các hoạt động | - Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới |
| ***Lĩnh vực về cảm xúc*** | Krathwohl, Bloom & Masia, 1973 | **-----** | - Tiếp nhận hiện tượng | - Phản ứng với hiện tượng | - Chấp nhận giá trị (Valuing) | - Tổ chức  - Ứng xử |